

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO
(Ngày 23/6/2025)

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý, sử dụng biên chế công chức

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày ... tháng ... năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý, sử dụng biên chế công chức.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm quản lý, sử dụng biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức sau:

- Bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là bộ, ngành).
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh).
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp xã).

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng biên chế công chức

- Tuân thủ các quy định của Đảng, của pháp luật về quản lý, sử dụng biên chế công chức.

2. Việc giao biên chế công chức phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vị trí việc làm và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức; bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ công chức, cải cách hành chính, cải cách chính sách tiền lương và không vượt quá tổng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao. Chỉ thực hiện tăng biên chế công chức đối với cơ quan, tổ chức hành chính khi được cấp có thẩm quyền giao thêm chức năng, nhiệm vụ mới hoặc quyết định thành lập mới cơ quan, tổ chức hành chính gắn với việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ mới.

3. Biên chế công chức được hiểu bao gồm: biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã; biên chế công chức của các cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là cơ quan đại diện). Biên chế công chức của địa phương được hiểu bao gồm biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc cấp tỉnh và cấp xã.

4. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã trong việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, gắn với trách nhiệm giải trình của bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

5. Sử dụng đúng, hiệu quả biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao và thực hiện chủ trương tinh giản biên chế theo đúng quy định. Thực hiện điều chỉnh biên chế công chức tương ứng với điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan, tổ chức theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Nội dung quản lý, sử dụng biên chế công chức

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chủ trương, chính sách, quy định, quyết định và các văn bản liên quan về quản lý, sử dụng biên chế.

2. Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch biên chế công chức 5 năm và hằng năm; xây dựng hồ sơ, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung, điều chỉnh biên chế công chức theo quy định.

3. Quyết định giao biên chế công chức cho các bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã và các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã theo quy định, trong tổng số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao; quyết định giao bổ sung, điều chỉnh biên chế công chức sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bố trí, sử dụng công chức tại các cơ quan, tổ chức của bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã phải nằm trong tổng biên chế công chức đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế, bảo đảm sử dụng đúng, hiệu quả biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao và thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế đã được phê duyệt.

6. Tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc quản lý, sử dụng biên chế công chức theo quy định.

7. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về giao, quản lý, sử dụng biên chế theo quy định của Đảng, của pháp luật.

Chương II

LẬP KẾ HOẠCH, GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

Điều 5. Lập kế hoạch biên chế công chức

1. Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều này xây dựng kế hoạch biên chế công chức 5 năm của cơ quan, tổ chức mình, gửi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Căn cứ xác định biên chế công chức

a) Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm (không bao gồm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định này);

b) Thực tế việc quản lý, sử dụng biên chế công chức được giao;

c) Đối với cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp tỉnh, cấp xã, ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này còn phải căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp xã và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Nội dung kế hoạch biên chế công chức 5 năm

a) Sự cần thiết của việc lập kế hoạch biên chế công chức 5 năm.

b) Báo cáo đánh giá việc giao, quản lý và sử dụng biên chế công chức 5 năm trước liền kề với kỳ kế hoạch.

c) Kế hoạch biên chế công chức 5 năm của từng cơ quan, tổ chức; kèm theo việc thống kê, tổng hợp số liệu biên chế công chức theo Phụ lục IA hoặc Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Giải pháp thực hiện kế hoạch biên chế công chức sau khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt, dự kiến nguồn công chức bổ sung, thay thế, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí để thực hiện.

đ) Kiến nghị, đề xuất.

3. Căn cứ vào các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, người đứng đầu bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch biên chế công chức hàng năm của cơ quan, tổ chức hành chính, làm cơ sở để thực hiện việc quản lý, sử dụng biên chế công chức hàng năm của bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại Nghị định này.

Điều 6. Hồ sơ, thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức 5 năm

1. Hồ sơ kế hoạch biên chế công chức 5 năm, gồm:

a) Văn bản đề nghị kế hoạch biên chế công chức 5 năm;

b) Kế hoạch biên chế công chức 5 năm của cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;

c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt biên chế công chức 5 năm, hàng năm trước liền kề với kỳ kế hoạch.

2. Thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức 5 năm

a) Trước ngày 01 tháng 3 năm trước liền kề năm đầu tiên của kỳ kế hoạch 5 năm, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ kế hoạch biên chế công chức 5 năm quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Nội vụ; Ban Tổ chức Trung ương.

b) Trước ngày 01 tháng 5 năm trước liền kề năm đầu tiên của kỳ kế hoạch 5 năm, Bộ Nội vụ trình Chính phủ để báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định tổng biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành, địa phương.

Điều 7. Trình tự thẩm định kế hoạch, giao biên chế công chức

1. Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã căn cứ Điều 5 Nghị định này xây dựng kế hoạch biên chế công chức 5 năm của cơ quan, tổ chức mình, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Vụ hoặc Cục hoặc Ban Tổ chức cán bộ của bộ, ngành thẩm định kế hoạch biên chế công chức 5 năm của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; tổng hợp, lập kế hoạch biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành trình người đứng đầu bộ, ngành để gửi Bộ Nội vụ.

3. Sở Nội vụ thẩm định kế hoạch biên chế công chức 5 năm của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc cấp tỉnh, cấp xã; tổng hợp, lập kế hoạch biên chế công chức 5 năm của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền ở địa phương theo quy định cho ý kiến trước khi gửi Bộ Nội vụ, Ban Tổ chức Trung ương.

4. Bộ Nội vụ thẩm định kế hoạch biên chế công chức 5 năm của từng bộ, ngành và tổng hợp kế hoạch biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành, địa phương trình Chính phủ để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. Căn cứ số biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao và chỉ đạo của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giao biên chế công chức cho các bộ, ngành và phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương giao biên chế công chức cho các địa phương theo quy định của cấp có thẩm quyền hoặc đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương.

5. Căn cứ biên chế công chức 5 năm được Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao, người đứng đầu bộ, ngành quyết định giao biên chế công chức hàng năm đối với từng cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

6. Căn cứ biên chế công chức 5 năm được Ban Tổ chức Trung ương giao, cấp có thẩm quyền ở địa phương chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lên phương án phân bổ biên chế công chức hàng năm đối với các cơ quan của Hội đồng nhân dân, cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và biên chế công chức của chính quyền địa phương các xã, phường, đặc khu, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tổng biên chế công chức hàng năm của các cơ quan, tổ chức nêu trên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao biên chế công chức đối với các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; từng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổng biên chế công chức của chính quyền địa phương từng xã, phường, đặc khu trong tổng số biên chế đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

7. Đối với biên chế công chức của cơ quan đại diện, hàng năm, Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng kế hoạch biên chế của các cơ quan đại diện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định giao biên chế công chức của từng cơ quan đại diện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 8. Điều chỉnh biên chế công chức

1. Việc điều chỉnh biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính được xem xét trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, tổ chức hành chính được bổ sung biên chế khi được giao thêm chức năng, nhiệm vụ mới hoặc thành lập mới cơ quan, tổ chức hành chính gắn với việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ mới;

b) Cơ quan, tổ chức hành chính được điều chỉnh biên chế khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh biên chế công chức; đề án điều chỉnh biên chế công chức; các tài liệu liên quan đến điều chỉnh biên chế công chức kèm theo.

3. Trình tự điều chỉnh biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính

a) Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, xây dựng hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức theo quy định tại khoản 2 Điều này, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 7 để thẩm định, trình người đứng đầu bộ, ngành để quyết định theo thẩm quyền hoặc gửi Bộ Nội vụ;

b) Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc cấp tỉnh, cấp xã thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, xây dựng hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức theo quy định tại khoản 2 Điều này, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 7 để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền ở địa phương cho ý kiến trước khi gửi Ban Tổ chức Trung ương;

c) Đối với việc điều chỉnh bổ sung biên chế công chức của bộ, ngành ngoài tổng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ bổ sung biên chế công chức của bộ, ngành trình Chính phủ để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. Căn cứ số biên chế công chức được cấp có thẩm quyền bổ sung và chỉ đạo của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giao bổ sung biên chế công chức cho các bộ, ngành.

d) Đối với việc điều chỉnh bổ sung biên chế công chức của địa phương ngoài tổng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao, Ban Tổ chức Trung ương thẩm định hồ sơ bổ sung biên chế công chức của địa phương, trình cấp có thẩm quyền theo quy định. Căn cứ số biên chế công chức được cấp có

thẩm quyền bổ sung, Ban Tổ chức Trung ương quyết định giao bổ sung biên chế công chức cho địa phương.

đ) Đối với việc điều chỉnh biên chế công chức giữa các bộ, ngành trong tổng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Nội vụ thẩm định và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định điều chỉnh biên chế công chức của bộ, ngành; tổng hợp, báo cáo Chính phủ khi trình biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành, địa phương.

e) Đối với việc điều chỉnh biên chế công chức giữa bộ, ngành với địa phương hoặc giữa bộ, ngành với cơ quan tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này trong tổng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Nội vụ thẩm định và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định điều chỉnh biên chế công chức của bộ, ngành; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế theo quy định của cấp có thẩm quyền điều chỉnh biên chế công chức của địa phương và các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này; tổng hợp, báo cáo Chính phủ khi trình biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành, địa phương.

g) Người đứng đầu bộ, ngành quyết định việc điều chỉnh biên chế công chức giữa các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong tổng biên chế công chức của bộ, ngành đã được cơ quan có thẩm quyền giao.

h) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh biên chế công chức giữa các cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc giữa các chính quyền địa phương xã, phường đặc khu theo căn cứ xác định biên chế công chức quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này trong tổng số biên chế công chức đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền ở địa phương.

4. Điều chỉnh biên chế công chức tại các cơ quan đại diện

a) Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chuyển biên chế công chức của Bộ Ngoại giao tại các cơ quan đại diện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại từng thời điểm cụ thể trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở không vượt quá định mức do cấp có thẩm quyền quy định và chỉ tiêu biên chế của các cơ quan đại diện.

b) Người đứng đầu bộ, ngành quyết định việc điều chuyển biên chế công chức của các bộ, ngành tại cơ quan đại diện khi có nhu cầu, bảo đảm không vượt quá định mức do cấp có thẩm quyền quy định, sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

c) Đối với việc điều chỉnh bổ sung biên chế của cơ quan đại diện do yêu cầu của nhiệm vụ, người đứng đầu bộ, ngành xây dựng Đề án về biên chế của cơ quan đại diện, gửi Bộ Ngoại giao để thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Chương III

KẾ HOẠCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

Điều 9. Xây dựng kế hoạch tình giản biên chế

1. Cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã xây dựng kế hoạch tình giản biên chế hàng năm của cơ quan, tổ chức mình theo trình tự quy định tại khoản 3 Điều này, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định này thẩm định kế hoạch tình giản biên chế hàng năm của các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã trước khi trình người đứng đầu bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch.

3. Trình tự xây dựng kế hoạch tình giản biên chế

a) Rà soát chức năng, nhiệm vụ để xác định những nhiệm vụ không còn phù hợp cần loại bỏ, những nhiệm vụ trùng lặp cần chuyển giao sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác; những nhiệm vụ cần phân cấp cho cấp dưới, địa phương và đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp đảm nhận.

b) Sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với cải tiến quy trình, quy chế làm việc, cải cách thủ tục hành chính.

c) Cơ cấu lại đội ngũ công chức theo các nội dung sau:

- Xác định vị trí việc làm, xếp ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm và phù hợp với tỷ lệ công chức cần bố trí theo từng vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức;

- Đánh giá, xếp loại chất lượng công chức;

- Trên cơ sở kết quả theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, xác định phương án bố trí công chức của cơ quan, tổ chức trong giai đoạn, năm tiếp theo.

d) Trên cơ sở mục tiêu tinh giản biên chế theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và các nội dung nêu tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này, xác định chỉ tiêu và lộ trình thực hiện tinh giản biên chế đối với từng cơ quan, tổ chức theo kế hoạch và lập danh sách công chức trong diện tinh giản biên chế theo kế hoạch.

Điều 10. Phê duyệt kế hoạch tinh giản biên chế

1. Trước ngày 30/11 hàng năm, cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế trong năm tiếp theo của cơ quan, tổ chức mình theo hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định này thẩm định trước khi trình người đứng đầu bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm của cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định này thực hiện thẩm định kế hoạch bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao và thực hiện tinh giản biên chế theo đúng kế hoạch tổng thể của bộ, ngành, địa phương; trình người đứng đầu bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch.

3. Người đứng đầu bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan Tài chính của bộ, ngành, địa phương thẩm định dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch của cơ quan, đơn vị bảo đảm phù hợp với dự toán ngân sách nhà nước của năm liền kề của bộ, ngành, địa phương đã được phê duyệt. Người đứng đầu bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch tinh giản biên chế của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt.

4. Trường hợp trong quá trình triển khai kế hoạch, phát sinh thêm các đối tượng tinh giản biên chế ngoài kế hoạch đã được phê duyệt, người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã tổng hợp danh sách, lý do tinh giản biên chế và dự toán số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định này thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền.

5. Ngoài các nội dung quy định tại Điều 9, 10 Nghị định này, việc thẩm định, phê duyệt, triển khai kế hoạch tinh giản biên chế tại Nghị định này theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

Điều 11. Trách nhiệm của người đứng đầu bộ, ngành

1. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành xây dựng kế hoạch biên chế công chức 5 năm, hàng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức của cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành; thẩm định, tổng hợp kế hoạch biên chế công chức 5 năm của bộ ngành hoặc điều chỉnh biên chế công chức, gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Quyết định giao biên chế công chức hàng năm đối với từng cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trong tổng số biên chế công chức 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao.

3. Chỉ đạo cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế công chức hàng năm và triển khai, thực hiện kế hoạch sau khi đã được phê duyệt.

4. Phân cấp quản lý biên chế công chức đối với cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

5. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý.

6. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

7. Trước ngày 01 tháng 02 hàng năm, thống kê và báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục IIA ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, cấp có thẩm quyền theo quy định.

8. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định giao, điều chỉnh biên chế công chức tại các cơ quan đại diện theo quy định tại Nghị định này; định kỳ hàng năm, Bộ Ngoại giao chủ trì, tổng hợp báo cáo tình hình giao, điều chuyển biên chế giữa các cơ quan đại diện để gửi Bộ Nội vụ theo dõi và báo cáo cấp có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Điều 12. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Quyết định tổng biên chế công chức hàng năm trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã trong số biên chế công chức 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc cấp tỉnh và cấp xã xây dựng kế hoạch biên chế công chức 5 năm, hàng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức; thẩm định, tổng hợp kế hoạch biên chế công chức 05 năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức theo quy định tại Nghị định này gửi Bộ Nội vụ và Ban Tổ chức Trung ương;

b) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tổng biên chế công chức hàng năm trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã trong số biên chế công chức 5 năm được cấp có thẩm quyền giao; quyết định bổ sung biên chế công chức đối với cơ quan, tổ chức hành chính của cấp tỉnh, cấp xã sau khi được cấp có thẩm quyền giao;

c) Quyết định giao biên chế công chức hàng năm, giao bổ sung biên chế công chức đối với các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, từng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và từng cấp xã trong tổng số biên chế đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

d) Quyết định điều chỉnh biên chế công chức đối với các cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh, từng cấp xã theo quy định tại Nghị định này;

đ) Chỉ đạo cơ quan, tổ chức hành chính thuộc cấp tỉnh, cấp xã xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế công chức hàng năm; phê duyệt kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc cấp tỉnh và cấp xã; chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sau khi đã được phê duyệt.

e) Phân cấp quản lý biên chế công chức đối với cơ quan, tổ chức hành chính theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý;

h) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Trước ngày 01 tháng 02 hàng năm, thống kê và báo cáo về tình hình thực hiện biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục IIB ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp xã

Quyết định cụ thể biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở chỉ tiêu biên chế công chức được cấp tỉnh giao.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng kế hoạch biên chế công chức và kế hoạch tinh giản biên chế công chức theo yêu cầu của cấp tỉnh và quy định tại Nghị định này;

b) Trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở chỉ tiêu biên chế công chức được cấp tỉnh giao;

c) Quyết định giao biên chế công chức đối với các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp xã, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý;

đ) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý, sử dụng biên chế công chức theo quy định của pháp luật;

e) Thống kê và báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức theo yêu cầu của cấp tỉnh và quy định tại Nghị định này.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

1. Trình Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính.

2. Trình Chính phủ đề báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định:

a) Kế hoạch biên chế công chức 5 năm của các bộ, ngành, địa phương;

b) Điều chỉnh bổ sung biên chế công chức của các bộ, ngành ngoài tổng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao.

3. Căn cứ chỉ đạo của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định:

a) Giao biên chế công chức 5 năm đối với từng bộ, ngành;

b) Giao bổ sung biên chế công chức cho các bộ, ngành sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Quyết định điều chỉnh biên chế công chức của các bộ, ngành khi thực hiện điều chỉnh biên chế công chức giữa các bộ, ngành hoặc giữa bộ, ngành với địa phương hoặc giữa bộ, ngành với cơ quan tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này trong tổng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao.

5. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế theo quy định của cấp có thẩm quyền điều chỉnh biên chế công chức của địa phương và các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

6. Tổng hợp việc quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, địa phương báo cáo Chính phủ, cấp có thẩm quyền.

7. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng biên chế công chức của bộ, ngành, địa phương.

8. Kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Xử lý trách nhiệm

Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã thực hiện không đúng quy định tại Nghị định này thì bị xem xét đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật; đồng thời phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng vượt quá số biên chế công chức được cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 20... Nghị định này thay thế Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

2. Vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện cho đến khi có văn bản mới hướng dẫn về vị trí việc làm.

3. Những người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01 tháng 4 năm 1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính của bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã thì vẫn thuộc biên chế công chức theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp có quy định khác.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ căn cứ vào các quy định tại Nghị định này hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý thực hiện quản lý, sử dụng biên chế công chức.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, Các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Hòa Bình